TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SY** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc An
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Chung;
2. Ông Hoàng Chung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thuý Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11/11/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 07/3/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị PTĐ**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thôn R, xã TB, huyện SY, tỉnh Q.
2. Bị đơn: **Anh HVO**, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Thôn R, xã TB, huyện SY, tỉnh Q.
(Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh NO vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị PTĐ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh HVO sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã LP, huyện SY, tỉnh Q (nay là phường LP, thành phố Q) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại thôn R, xã TB, huyện SY, tỉnh Q. Cuộc sống vợ chồng chị không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai

quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện SY giải quyết cho chị được ly hôn với anh HVO.

Về con chung: Chị và anh HVO có 02 con chung là cháu HVH, sinh ngày 10/03/2005 và cháu HTTF, sinh ngày 06/12/2008. Khi ly hôn chị xin nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Anh NO không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, đất đai chung, công nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh HVO không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo các văn bản tố tụng cho anh HVO đến Toà án để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh HVO không đến Toà án để giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật và xác minh tại trưởng thôn.

Kết quả xác minh: Trưởng thôn R, xã TB, huyện SY, tỉnh Q cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị PTĐ có đăng ký kết hôn với anh HVO tại Uỷ ban nhân dân xã LP, huyện SY, tỉnh Q (nay là phường LP, thành phố Q) vào ngày 26/02/2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại thôn R, xã TB, huyện SY, tỉnh Q. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay.

Về con chung: Chị Q và anh NO có 02 con chung là cháu HVH, sinh ngày 10/3/2005 và cháu HTTF, sinh ngày 06/12/2008, hiện nay các cháu H1, H2 đang ở cùng chị Q.

Về tài sản chung, công nợ chung: Thôn không nắm được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị PTĐ; Xử cho chị Q được ly hôn với anh HVO. Giao con chung là cháu HVH, sinh ngày 10/3/2005 và cháu HTTF, sinh ngày 06/12/2008 cho chị PTĐ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh HVO không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị PTĐ phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị PTĐ có hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã TB, huyện SY. Chị Q có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh HVO có hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã TB, huyện SY. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện SY, tỉnh Q theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Vụ án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị PTĐ và anh HVO nhưng anh HVO vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa, tống đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho chị PTĐ và anh HVO nhưng anh NO vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân xét thấy: Chị Q và anh NO sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện SY, tỉnh Q (nay là phường LP, thành phố Q) vào ngày 26/02/2008. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại thôn R, xã TB, huyện SY. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTĐ, xử cho chị được ly hôn với anh HVO là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu HVH, sinh ngày 10/3/2005 và cháu HTTF, sinh ngày 06/12/2008. Khi ly hôn chị Q xin nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị không yêu cầu anh NO phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy nguyện vọng của chị Q là phù hợp, vì hiện nay cháu H1 và cháu H2 đang ở cùng chị Q, nguyện vọng của hai cháu muốn được ở với mẹ vì bố thường xuyên đi làm ăn xa. Chị Q không yêu cầu anh NO phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung là cháu HVH, sinh ngày 10/3/2005 và cháu HTTF, sinh ngày 06/12/2008 cho chị PTĐ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, anh HVO không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Xác định anh chị không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTĐ:

Xử cho chị PTĐ được ly hôn với anh HVO.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu HVH, sinh ngày 10/3/2005 và cháu HTTF, sinh ngày 06/12/2008 cho chị PTĐ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh HVO không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị PTĐ phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004292, ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, tỉnh Q. Chị PTĐ đã nộp đủ án phí.

4. Chị PTĐ và anh HVO được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THADS huyện SY;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND huyện SY;
- UBND xã TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu.

Trần Ngọc An

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Hoàng Trung Hiếu – Trần Văn Ngọc	**Nguyễn Xuân Thủy**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THADS huyện SY;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND huyện SY;
- UBND xã Lang Quán;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thu Hà - Đặng Thị Huệ	**Nguyễn Xuân Thủy**